TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN SƠN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2019/QĐST- HNGĐ	*Yên Sơn, ngày 05 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 324/2018/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Sùng Thị D, sinh năm 1994;
Địa chỉ: Thôn Đầu, xã Đ, huyện Y, tỉnh T.
- Bị đơn: Anh Giàng A V, sinh năm 1990;
Nơi ĐKHK: Thôn Đầu, xã Đ, huyện Y, tỉnh T.
Nơi ở: Thôn Cây Thị, xã N, huyện Y, tỉnh T.
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lù Thị D, sinh năm 1964.
Địa chỉ: Thôn Đầu, xã Đ, huyện Y, tỉnh T.

Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào các điều 463; 465; 466; 468 của Bộ luật dân sự;
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 12 năm 2018;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 12 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:
- Anh Giàng A V và chị Sùng Thị D.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
- Về con chung: Giao cháu Giàng Minh T, sinh ngày 25/01/2011 cho anh Giàng A V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Giàng Minh H, sinh ngày 21/9/2013 cho chị Sùng Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau, anh V và chị D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.
- Về tài sản chung: Anh Giàng A V và chị Sùng Thị D tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Anh Giàng A V có trách nhiệm trả cho bà Lù Thị Dọ số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Chị Sùng Thị D có trách nhiệm trả cho bà Lù Thị Dọ số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

"Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không có thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015".

- Về án phí: Chị Sùng Thị D phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), tổng cộng 350.000 đồng (Ba trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng), theo biên lai số 0001347 ngày 21 tháng 12 năm 2018, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, chị Sùng Thị D được trả lại số tiền chênh lệch 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng). Anh Giàng A V và bà Lù Thị Dọ không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không được kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TQ;
- VKS h. Y;
- CCTHADS h. Y;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Đức Nam